

Bản án số: **38/2021/DS – ST**
Ngày: 27- 5-2021
*V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Chót.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2021/TLST - DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Đức Q, sinh năm 1967; địa chỉ: 142/2 ấp Giao Hòa A, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ủy quyền cho ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964, địa chỉ: D2, cư xá Phú Lâm B, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 3 năm 2021. Ông Hải có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: số nhà 240/1 ấp Thanh An, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà L ủy quyền cho ông Trần Văn T. Theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 4 năm 2021. Ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2015 ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L có mua thức ăn và thuốc thủy sản tại Cửa hàng của ông Phan Đức Q để nuôi tôm. Khi mua bán không có lập hợp đồng. Lúc đó hai bên thỏa thuận bên ông Q sẽ giao

thức ăn trước cho ông T, bà L đến cuối vụ ông T và bà L phải có nghĩa vụ trả tiền thức ăn cho Đại lý ông Q. Theo thỏa thuận trên, ông Q đã giao thức ăn cho ông T và bà L đầy đủ, ông T và bà L có thanh toán tiền từng đợt nhưng không đầy đủ. Từ năm 2013 đến năm 2015 Đại lý Quỳ Tường có tính tiền chiết khấu cho ông T, bà L nhưng từ ngày 17/5/2016 đến nay thì phía nguyên đơn không có chiết khấu cho bên ông T, bà L. Vào ngày 17/5/2016 thì ông T và bà L còn nợ lại ông Q số tiền 118.583.000 đồng. Sau đó vào ngày 10/2/2017 ông T và bà L có trả cho ông Q 19.000.000 đồng, ngày 20/6/2017 có trả 11.000.000 đồng, ngày 29/3/2019 có trả 10.000.000 đồng và ngày 09/02/2021 có trả cho ông Q 13.000.000 đồng, nay ông T và bà L còn nợ lại ông Q số tiền là 65.000.000 đồng. Trước đây do không cập nhập được số tiền ông T, bà L trả dần cho ông Q nên ông Q yêu cầu khởi kiện ông T và bà L với số tiền gốc là 78.000.000 đồng nhưng thực tế hiện nay ông T, bà L chỉ còn nợ ông Q số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng. Do đó ông Q rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T, bà L với số tiền là 13.000.000 đồng tiền vốn và rút một phần yêu cầu tiền lãi với số tiền là 21.244.000 đồng. Ông chỉ yêu cầu ông T và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Đức Q số tiền gốc là 65.000.000 đồng và yêu cầu tính chậm trả như sau: Yêu cầu tính lãi từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/5/2021 là 47 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng là: $65.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 47 \text{ tháng} = 25.356.000 \text{ đồng}$ (Tính số tròn) , tổng cộng số tiền yêu cầu cả lãi lẫn gốc là 90.356.000 đồng.

Theo biên bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị ông Trần Văn T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thị L trình bày:

Ông thừa nhận ông và vợ ông là Đặng Thị L có đến cửa hàng của ông Phan Đức Q để mua thức ăn và thuốc thủy sản về nuôi tôm, giữa ông và ông Q chỉ thỏa thuận bằng lời nói , không có lập hợp đồng, theo thỏa thuận ông Q sẽ giao thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm cho ông đến cuối vụ tôm ông và bà L sẽ thanh toán tiền cho ông Q. Ông và bà L hợp đồng mua bán với ông Q từ năm 2014 đến cuối năm 2015. Trước đây, đến cuối vụ thì ông và bà L đều có thanh toán tiền cho ông Q và có nhận tiền chiết khấu từ Đại lý ông Q nhưng những năm sau này do nuôi tôm thua lỗ nên sau khi kết thúc việc mua bán, tổng kết lại ông còn nợ ông Q số tiền 118.583.000 đồng, sau đó ông và bà L có trả cho ông Q nhiều lần và hiện nay ông và bà L còn nợ lại số tiền gốc là 65.000.000 đồng. Nay ông và bà L đồng ý trả cho ông Q số tiền này nhưng từ mấy năm nay việc nuôi tôm bị thua lỗ nên không có khả năng trả cho ông Q một lần cho hết số tiền trên nên ông yêu cầu được trả dần số tiền trên như sau: vào ngày 18/7/2021 ông và bà L trả cho ông Q 35.000.000 đồng, và ngày 18/11/2021 trả tất số tiền còn lại là 30.000.000 đồng. Đối với việc ông Q yêu cầu ông và bà L trả lãi cho ông Q số tiền 25.356.000 đồng thì ông và bà L không đồng ý vì trước đây, khi hai bên mua bán vợ chồng ông và ông Q không có thỏa thuận việc trả lãi .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Phan Đức Q thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L có nơi cư trú tại ấp Thạnh An, xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Bị đơn Đặng Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ủy quyền cho ông Trần Văn T, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình tố tụng cũng như tại tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Dương Kim H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với tổng số tiền (gốc và tiền lãi) là 33.704.000 đồng đối với ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L, xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này theo Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đức Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Phan Đức Q với ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L được giao kết trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên đây là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông T thống nhất từ năm 2013 đến năm 2015 ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L có mua thức ăn và thuốc thủy sản tại Đại lý của ông Phan Đức Q, khi mua bán hai bên có thỏa thuận đầu vụ thì phía ông Q sẽ giao thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông T, đến cuối vụ, vợ chồng ông T sẽ trả tiền cho ông Q. Tính đến ngày 17/5/2016 thì ông T và bà L còn nợ lại ông Q số tiền 118.583.000 đồng. Sau đó vào ngày 10/2/2017 ông T và bà L có trả cho ông Q 19.000.000 đồng, ngày 20/6/2017 có trả 11.000.000 đồng, ngày 29/3/2019 có trả 10.000.000 đồng và ngày 09/02/2021 có trả cho ông Q 13.000.000 đồng. Hiện nay ông T và bà L còn nợ lại ông Q số tiền vốn là 65.000.000 đồng, ông T đồng ý liên đới với bà L trả cho ông Q số tiền này nhưng xin được trả dần thành 02 lần: Lần thứ nhất trả vào ngày 18/7/2021 ông T và bà L trả cho ông Q 35.000.000 đồng và ngày 18/11/2021 trả tất số tiền gốc còn lại là 30.000.000 đồng nhưng yêu cầu này không được người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn chấp nhận. Mặt khác khi mua bán ông Q và vợ chồng ông T không có thỏa thuận cách thức trả dần. Do đó, ông Q yêu cầu ông T và bà L phải trả cho ông Q số tiền 65.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét việc ông Q yêu cầu thì ông T và bà L phải trả cho ông Q khoản tiền lãi tính từ ngày 22/6/2017 đến ngày 22/5/2021 là 47 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là: 25.356.000 đồng Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi giao kết hợp đồng mua bán ông Q đã giao đủ số lượng tài sản cho ông T và bà L như hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận để ông T và bà L thực hiện việc nuôi tôm nhưng cuối vụ tôm ông T và bà L không trả đủ tiền cho ông Q là vi phạm nghĩa vụ mà hai bên đã giao kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q. Do đó ông Q yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 22/6/2017 là có căn cứ và phù hợp với Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể : 65.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 47 tháng = 25.356.000 đồng (Tính số tròn) , tổng cộng số tiền gốc và lãi được tính là: 90.356.000 đồng.

[6] Xét việc ông Q yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả cho ông Q số tiền trên Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Luyến đã ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng và bà L cũng không có ý kiến gì khác với ý kiến của ông T đối với về việc ông Q có yêu cầu ông T và bà L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Q số tiền trên. Mặt khác, ông T cũng thừa nhận ông, bà mua thức ăn nuôi tôm là để phát triển kinh tế gia đình. Do đó, ông Q yêu cầu bà L có nghĩa vụ liên đới với ông T hoàn trả cho ông Q là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 228, 217, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự ; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi của ông Phan Đức Q về việc ông Q yêu cầu ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L trả cho ông Q số tiền là 33.704.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Q. Buộc ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Đức Q số tiền 90.356.000 đ. (Chín mươi triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng; tiền nợ lãi 25.356.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự .

3.Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T và bà Đặng Thị L phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 4.517.800 đ (Bốn triệu năm trăm mười bảy nghìn tám trăm) đồng.

Ông Phan Đức Q được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 3.115.000 đ (Ba triệu một trăm mười lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005670 ngày 03 tháng 3 năm 2021.

4.Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Hồng Vân

